

Vocabulary

Vietnamese	English
cửa hàng bán đồ giải trí, tiêu khiển	
cửa hàng điện	
tiệm bánh	
tiệm bán thịt	
tiệm thuốc	
cửa hàng bán đồ tự sửa chữa trong nhà	
cửa hàng buôn bán các hạt giống và dụng cụ làm vườn	
văn phòng kinh doanh bất động sản	
cửa hàng rau củ quả	
cửa hàng máy tính	
cửa hàng bán đồ trang sức	
quầy bán báo	
văn phòng phẩm	
tiệm sách	
cửa hàng quần áo	
cửa hàng điện thoại di động	
cửa hàng thể thao	
cửa hàng đồ chơi	

Grammar

Translate into English. Using present perfect

1. Tôi vừa thức dậy vào lúc 5h sáng.

2. Tom đã sống trong căn nhà này khoảng 40 năm.

3. Tôi đã không nghe bài hát này lâu lắm rồi.

4. Tôi đã mua con iphone 11 kể từ mùa hè năm ngoái
